**DANH MỤC 47 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH TUYÊN QUANG***(Ban hành kèm* theo *Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2021*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | | | **Phí;  lệ phí** | | **Căn cứ**  **pháp lý** | **Thực hiện qua dịch vụ BCCI** | | **Thực hiện tại Bộ phận một cửa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **A** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (46 thủ tục)** | | | | | | | | | | |
| **I** | **Lĩnh vực Quản lý giá (04 thủ tục)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh | - Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu theo quy định, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký. - Trường hợp Biểu mẫu có nội dung chưa rõ hoặc cần phải giải trình về các yếu tố hình thành giá tăng hoặc giảm làm cho mức giá đăng ký tăng hoặc giảm thì tổ chức, cá nhân giải trình và gửi văn bản giải trình đến cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình cho đến ngày cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu nhận văn bản giải trình của tổ chức, cá nhân tính theo dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu hoặc ngày gửi ghi trong thư điện tử của tổ chức, cá nhân | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | Không | | | | - Luật Giá số 11/2012/QH13; - Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; - Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; | **x** | | **x** |
| 2 | Kê khai giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh | 05 ngày làm việc | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | Không | | | | - Luật Giá số 11/2012/QH13;  - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 56/2014/TT-BTC. | **x** | | **x** |
| 3 | Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh | - Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định phương án giá quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 177/2013/NĐ-CP phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ phương án giá theo quy định; - Kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, thời hạn quyết định giá của các cấp được quy định như sau:  + Tối đa không quá 15 ngày làm việc đối với giá hàng hóa, dịch vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định; + Tối đa không quá 10 ngày làm việc đối với giá hàng hóa, dịch vụ do các Bộ, ngành quyết định; - Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, quyết định giá thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định phương án giá hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định giá phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | Không | | | | - Luật Giá số 11/2012/QH13  - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| 4 | Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tiêu thụ cụ thể, mức trợ giá cụ thể sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản cho các cơ sở hoạt động công ích trước ngày 31 tháng 07 năm trước. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | Không | | | | Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. | x | | x |
| **II** | **Lĩnh vực Quản lý công sản (35 thủ tục)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Điều chuyển công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung | 20 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. | **x** | | **x** |
| 2 | Cho thuê quyền khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung | 30 ngày kể từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ hợp lệ của đơn vị quản lý công trình | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| 3 | Chuyển nhượng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung | 30 ngày kể từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ hợp lệ của đơn vị quản lý công trình. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| 4 | Thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung | 20 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| 5 | Trình tự xác định tiền sử dụng đất (đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất) | Thời hạn cơ quan thuế xác định và ban hành Thông báo như sau: - Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không có khoản mà người sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp. - Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác định các khoản mà người sử dụng đất được trừ theo quy định của pháp luật do cơ quan tài chính chuyển đến đối với trường hợp có khoản mà người sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp | - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan tài nguyên và môi trường, Cơ quan thuế. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính | | | Không | | - Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; - Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;  - Quyết định số 1989/QĐ-BTC ngày 14/8/2014 của Bộ Tài chính;  - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường. | **x** | | **x** |
| 6 | Trình tự xác định tiền thuê đất, thuê mặt nước (gọi chung là tiền thuê đất) | Thời hạn cơ quan thuế xác định và ban hành Thông báo như sau: - Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không có khoản mà người thuê đất được trừ vào tiền thuê đất phải nộp. - Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác định các khoản mà người thuê đất được trừ theo quy định của pháp luật do cơ quan tài chính chuyển đến đối với trường hợp có khoản mà người thuê đất được trừ vào tiền thuê đất phải nộp. | - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan tài nguyên và môi trường, Cơ quan thuế. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính | | | Không | | - Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;  - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường. | **x** | | **x** |
| 7 | Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong truờng hợp không phải lập thành dự án đầu tư | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. | **x** | | **x** |
| 8 | Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 9 | Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong truờng hợp không thay đổi đối tuợng quản lý, sử dụng tài sản công | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 10 | Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư | - Bước 2: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  - Bước 3: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.  - Bước 4: Không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 11 | Quyết định thu hồi tài sản công trong truờng hợp cơ quan nhà nuớc đuợc giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nuớc | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 12 | Quyết định thu hồi tài sản công trong truờng hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản I Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công | Không quá 30 ngày mỗi bước | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 13 | Quyết định điều chuyển tài sản công | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 14 | Quyết định bán tài sản công | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 15 | Quyết định bán tài sản công cho nguời duy nhất theo quy định tài khoản 2, Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ | Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 16 | Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công | Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 17 | Quyết định thanh lý tài sản công | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 18 | Quyết định tiêu hủy tài sản công | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 19 | Quyết định xử lý tài sản công trong truờng hợp bị mất, bị hủy hoại | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 20 | Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 21 | Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê | Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án đối với Bước 2: Sở Tài chính cho ý kiến thẩm định về: sự cần thiết sự, phù hợp của đề án với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; các nội dung trong đề án cần phải chỉnh lý, hoàn thiện. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 22 | Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh liên kết | Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, Sở Tài chính xem xét, có ý kiến về đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để lấy ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 23 | Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc | Không quá 30 ngày đối với mỗi bước | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 24 | Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng đuợc hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án | Không quá 30 ngày đối với mỗi bước | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 25 | Mua quyển hóa đơn | Không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 26 | Mua  hóa đơn lẻ | Không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 27 | Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản | Không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 28 | Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhựơng, thuê quyền khai thác tài sản công | Không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 29 | Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội | a) Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Đối với bước 2: Sở Tài chính xác định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội. b) Không quá 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận Đối với bước 4: Sở Tài chính có văn bản gửi Cục thuế, kho bạc nhà nước của địa phương để thực hiện. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước | **x** | | **x** |
| 30 | Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước | - Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị chuyển giao tài sản của tổ chức, cá nhân. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản chuyển giao căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và pháp luật chuyên ngành liên quan đến tài sản chịu trách nhiệm xác định tính phù hợp của việc tiếp nhận tài sản chuyển giao.  + Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (tiếp tục Bước 3).  + Trường hợp xác định việc chuyển giao không phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan, đơn vị được đề nghị tiếp nhận phải từ chối tiếp nhận tài sản.  - Bước 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ: cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tải sản. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 29/ND-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ. | **x** | | **x** |
| 31 | Chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên | - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân đối với Bước 2: đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mức thưởng cụ thể.  - Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức thưởng của cơ quan, người có thẩm quyền đối với Bước 3: đơn vị có trách nhiệm chi thưởng thực hiện chi trả tiền thưởng cho tổ chức, cá nhân được thưởng theo quy định. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 29/ND-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ | **x** | | **x** |
| 32 | Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu | - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân đối với Bước 2: cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định cụ thể mức được hưởng của tổ chức, cá nhân. - Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền đối với bước 3: cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thanh toán thực hiện việc thanh toán Phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân được hưởng theo quy định. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 29/ND-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ | **x** | | **x** |
| 33 | Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp | - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì đối với bước 2: cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm:  a) Lập báo cáo kê khai để đăng nhập thông tin về tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;  b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định đối với đề nghị của tổ chức, cá nhân chủ trì; trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì.  Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không có đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng, hoặc không có khả năng nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để giao cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu theo quy định.  - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ đối với Bước 3: cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì đủ điều kiện được giao. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. | **x** | | **x** |
| 34 | Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ | - Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt được, đối với bước 1: tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm lập báo cáo về tài sản (trong đó mô tả cụ thể thông tin về tài sản và chi phí tạo lập tài sản) kèm theo các hồ sơ có liên quan, gửi cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các đồng sở hữu khác. Trường hợp tại Hợp đồng quy định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ được nhận giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thì tổ chức, cá nhân chủ trì lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị giao tài sản gửi cho các đồng sở hữu đồng thời với báo cáo về tài sản. -Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì đối với bước 2: cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản quy định tại Hợp đồng khoa học và công nghệ quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho tổ chức, cá nhân chủ trì. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. | **x** | | **x** |
| 35 | Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất | Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thanh toán đối với bước 3: chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Luật Quản lý sử dụng tài sản công; - Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ | **x** | | **x** |
| **III** | **Lĩnh vực Tin học và Thống kê (01 thủ tục)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách | Gửi Thông báo cấp Giấy chứng nhận mã số ĐVQHNS điện tử cho đơn vị (lần đầu hoặc cấp lại) là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo phương thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính; là 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo phương thức nộp hồ sơ qua Dịch vụ công trực tuyến đăng ký mã số ĐVQHNS. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | Không | | | Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách | **x** | **x** | |
| **IV** | **Lĩnh vực Quản lý Tài chính doanh nghiệp (05 thủ tục)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Lập, phân bổ dự toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ dự toán ngân sách đã được giao trước ngày 31 tháng 12 năm trước. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | |  | | - Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 của Quốc Hội;  - Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước. | **x** | | **x** |
| 2 | Tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản | Không quy định | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;  - Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| 3 | Thanh toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản | Không quy định | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ;  - Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| 4 | Quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản | Không quy định | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ;  - Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| 5 | Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương | Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | Không | | - Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;  - Thông tư số 52/2013/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | **x** | | **x** |
| **V** | **Lĩnh vực Tài chính Hành chính sự nghiệp (01 thủ tục)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ lãi suất và chi phí xây dựng hầm Biogas | Định kỳ 6 tháng/ lần Hội nông dân tỉnh lập 01 bộ hồ sơ gửi Sở Tài chính thẩm định; Sở Tài chính thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang | | | | Không | - Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite;  - Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012;  - Quyết định số 303/QĐ-CT ngày 24/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho hội viên, nông dân thuộc 7 xã điêm xây dựng nông thôn mới của tỉnh được vay vốn hỗ trợ lãi suất tiền vay để xây dựng công trình nhà tiêu và hệ thống chuồng trại chăn nuôi. | **x** | | **x** |
| **B** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 thủ tục)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt | Không quy định | Ủy ban nhân dân phường, thị trấn | | Không | | | Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | **x** | **x** | |